

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án “Phát triển sản xuất khoai môn tím gắn với sản phẩm OCOP huyện Bảo Yên năm 2020”

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 823/QĐ-UBND ngày 13/5/2020 của UBND huyện Bảo Yên về việc phân bổ chi tiết kinh phí thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, vốn sự nghiệp năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 2976/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 của UBND huyện Bảo Yên về việc phê duyệt Dự án và Chủ trì dự án “Phát triển sản xuất khoai môn tím gắn với xây dựng sản phẩm OCOP huyện Bảo Yên năm 2020”.

Căn cứ Văn bản số 589/KL-STC ngày 18/11/2020 của Sở Tài chính tỉnh Lào Cai về kết quả thẩm định giá;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch tại tờ trình số 1079/TTr-TCKH ngày 25 tháng 11 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: “Phát triển sản xuất khoai môn tím gắn với sản phẩm OCOP huyện Bảo Yên năm 2020” với những nội dung như sau.

I. Phần phê duyệt dự toán

1. Tên dự toán: dự án: “Phát triển sản xuất khoai môn tím gắn với sản phẩm OCOP huyện Bảo Yên năm 2020”.

2. Chủ đầu tư: Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, huyện Bảo Yên.

3. Nội dung và quy mô dự án: Diện tích 20 ha/50 hộ/ 03 xã (Lương Sơn, Minh Tân, Kim Sơn)

4. Tổng dự toán: 1.788.000.000 đồng,
Trong đó:

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ: 750.000.000 đồng.
- Vốn đối ứng của nhân dân: 1.038.000.000 đồng.

5. Nguồn vốn: Sự nghiệp chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

(Có dự toán chi tiết kèm theo)

II. Phần phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

STT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức đấu thầu	Thời gian lựa chọn nhà thầu	Hình thức hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Gói thầu số 01: Mua giống khoai môn tím	666.250000	Sự nghiệp chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	Chi định thầu	Theo quy trình rút gọn	Quý IV/2020	Trọn gói	30 ngày
2	Gói thầu số 02: Mua phân bón vô cơ, thuốc BVTV, vôi bột	54.000.000		Chi định thầu	Theo quy trình rút gọn	Quý IV/2020	Trọn gói	30 ngày
	Tổng giá trị các gói thầu	720.250.000						

Điều 2. Giao phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn căn cứ Quyết định phê duyệt tiến hành quản lý, thực hiện theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND và HĐND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện, Trưởng phòng NN&PTNT, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- Như điều: 3 QĐ;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Phòng NN&PTNT;
- Lưu: VT, TCKH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Việt Hà

PHỤ BIỂU DỰ TOÁN KINH PHÍ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của UBND huyện Bảo Yên)

STT	Nội dung	ĐVT	KL	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)			Tỷ lệ hỗ trợ (%)	Căn cứ
					Tổng số	Dân đóng góp	Nhà nước hỗ trợ		
	TỔNG CỘNG				1.788.000.000	1.038.000.000	750.000.000		
1	Điều tra, khảo sát địa điểm các thôn thực hiện				5.440.000		5.440.000	100	
-	Tiền lưu trú (2 người x 4 ngày x 200.000đ/người/ngày)	Người	2	800.000	1.600.000		1.600.000		NQ 07/NQ-HĐND ngày 17/7/2017 của HĐND tỉnh Lào Cai
-	Đi lại (2 người x 60 km x 4.000đ/km x 2 lượt x 4 ngày)	km	960	4.000	3.840.000		3.840.000		
2	Tập huấn kỹ thuật trồng, chăm sóc cây khoai môn tím (3 lớp)				11.000.000		11.000.000	100	
-	Tiền giảng viên: 3 ngày x 2 buổi/ngày	Ngày	3	1.600.000	4.800.000		4.800.000		NQ 11/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của HĐND tỉnh Lào Cai
-	Hỗ trợ tiền ăn cho nông dân	Người	50	40.000	2.000.000		2.000.000		NQ 07/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Lào Cai
-	Tiền nước uống cho nông dân	Người	50	20.000	1.000.000		1.000.000		NQ 07/NQ-HĐND ngày 17/7/2017 của HĐND tỉnh Lào Cai
-	Phô tô tài liệu	Bộ	50	4.000	200.000		200.000		Theo thực tế
-	Tiền thuê Hội trường, tit chữ	Ngày	3	1.000.000	3.000.000		3.000.000		NQ 07/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Lào Cai
3	Giống: (1.000kg /ha)	Kg	25.000	41.000	1.025.000.000	358.750.000	666.250.000	65	QĐ 3073/QĐ-BNN-KHCN ngày 28/10/2009 và theo

4	Phân bón vô cơ, thuốc BVTV, vôi bột	Kg	27.525		192.500.000	138.500.000	54.000.000	40	thực tế
	<i>Ure (200kg/ha)</i>	Kg	5.000	8.000	40.000.000	24.000.000	16.000.000		
	<i>Super lân (400kg/ha)</i>	Kg	10.000	4.500	45.000.000	27.000.000	18.000.000		
	<i>Kalichorua (200kg/ha)</i>	Kg	5.000	10.000	50.000.000	30.000.000	20.000.000		
	<i>Thuốc BVTV</i>	Kg	25	800.000	20.000.000	20.000.000			
	<i>Vôi bột</i>	Kg	7.500	5.000	37.500.000	37.500.000			Theo quy trình kỹ thuật
5	Công trồng + chăm sóc (85 công/ha)	Công	2.125	120.000	255.000.000	255.000.000		0	Theo quy trình kỹ thuật
6	Hỗ trợ xây dựng sản phẩm OCOP				9.750.000	9.750.000		0	
-	In tem truy xuất nguồn gốc	Chiếc	5.000	250	1.250.000	1.250.000			
-	In nhãn hiệu khoai môn	Chiếc	500	3.000	1.500.000	1.500.000			
-	Túi đựng khoai môn	Chiếc	500	6.000	3.000.000	3.000.000			
-	Phiếu kiểm nghiệm chất dinh dưỡng, kiểm nghiệm chất độc hại	Phiếu	1	4.000.000	4.000.000	4.000.000			
7	Phân chuồng	Tấn	230	1.200.000	276.000.000	276.000.000		0	Theo quy trình kỹ thuật
8	Hỗ trợ quản lý, giám sát thực hiện quy trình sx (67.000 đ/ngày x 4 ngày x 3 tháng x 3 xã);	Ngày	36	67.000	2.412.000		2.412.000		NQ 07/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Lào Cai
9	Chi phí quản lý Dự án (Gồm công tác phí, kiểm tra, giám sát, văn phòng phẩm, ...)				10.898.000		10.898.000		